

Số: /2019/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo 16 (11.5.2019)

**THÔNG TƯ**  
**Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh,

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán công trình lâm sinh; nghiệm thu công trình lâm sinh, khoán bảo vệ rừng; xử lý rủi ro do các nguyên nhân bất khả kháng đối với công trình lâm sinh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư liên quan đến việc triển khai công trình lâm sinh trong các dự án đầu tư có sử dụng nguồn vốn đầu tư công, gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn

từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

2. Khuyến khích các chủ đầu tư sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác áp dụng các quy định, hướng dẫn tại Thông tư này.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Công trình lâm sinh* là công trình xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn, được tạo thành từ việc thực hiện các hoạt động đầu tư lâm sinh theo thiết kế, dự toán, gồm: khoanh nuôi xúc tiến tái sinh; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; nuôi dưỡng rừng tự nhiên; làm giàu rừng tự nhiên; cải tạo rừng tự nhiên; trồng mới rừng, trồng lại rừng; chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng và các hoạt động liên quan khác.

2. *Nghiệm thu công trình lâm sinh* là hoạt động đánh giá để đưa ra kết luận về chất lượng thi công công trình lâm sinh sau khi đã hoàn thành so với thiết kế, tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật có liên quan.

3. *Nghiệm thu hoàn thành* là hoạt động đánh giá xác định thành rừng sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản đối với các công trình lâm sinh bao gồm: trồng rừng, cải tạo rừng tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

## **Chương II**

### **LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ, DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH LÂM SINH**

#### **Điều 4. Thiết kế, dự toán công trình lâm sinh**

1. Đối với các công trình lâm sinh đã được phê duyệt tại các quyết định phê duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư lập thiết kế, dự toán công trình lâm sinh. Đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, việc lập thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được thực hiện đồng thời với việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

2. Đối với các công trình lâm sinh sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp nhà nước: Chủ đầu tư lập thiết kế, dự toán một lần cho nhiều năm hoặc lập thiết kế, dự toán hàng năm theo kế hoạch ngân sách được giao.

3. Chủ đầu tư thuê tư vấn lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc tự lập khi có đủ điều kiện, năng lực.

4. Thành phần hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

a) Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh được lập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

b) Bản đồ thiết kế công trình lâm sinh: Xây dựng trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000 với tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000. Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ áp dụng TCVN 11566:2016 về bản đồ quy hoạch lâm nghiệp.

## **Điều 5. Dự toán công trình lâm sinh**

Dự toán công trình lâm sinh được tính toán trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành, các hạng mục chi phí, gồm:

### 1. Chi phí xây dựng

#### a) Chi phí trực tiếp, gồm:

Chi phí nhân công: chuẩn bị cây giống trong vườn ươm, hiện trường, trồng, chăm sóc, kiểm tra, giám sát, bảo vệ rừng và chi phí khác có liên quan.

Chi phí máy và thiết bị thi công: làm đất, vận chuyển cây con bằng máy; san, úi mặt bằng, làm đường ranh cản lửa và chi phí khác có liên quan.

Chi phí vật tư: cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

#### b) Chi phí chung: được tính bằng 5,0% chi phí trực tiếp, gồm:

Chi phí trang bị bảo hộ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường cho người lao động và môi trường xung quanh.

Chi phí vận chuyển máy móc, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường.

Chi phí bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công (nếu có).

c) Thu nhập chịu thuế tính trước: là lợi nhuận dự tính trong dự toán xây dựng công trình, được tính bằng 5,5% tổng chi phí trực tiếp và chi phí chung.

d) Thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định của nhà nước.

2. Chi phí thiết bị, gồm: mua sắm thiết bị công nghệ (kể cả thiết bị công nghệ cần sản xuất, gia công), lắp đặt và thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị, vận chuyển, bảo hiểm thiết bị, đào tạo và chuyển giao công nghệ.

3. Chi phí quản lý: được tính bằng 3,0% của tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị, gồm: chi phí tổ chức quản lý công trình từ giai đoạn chuẩn bị đến khi kết thúc, nghiệm thu đưa công trình lâm sinh vào khai thác sử dụng.

4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: được xác định bằng dự toán chi tiết, gồm: khảo sát; lập thiết kế, dự toán; giám sát xây dựng công trình và các chi phí tư vấn khác có liên quan.

### 5. Chi phí khác

#### a) Rà phá bom mìn, vật nổ.

b) Xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công; chi phí hoàn trả, phục hồi hạ tầng bị ảnh hưởng khi thi công.

c) Bảo hiểm công trình trong thời gian thực hiện công trình lâm sinh. Trường hợp công trình lâm sinh thuộc đối tượng khuyến khích mua bảo hiểm thì kinh phí mua bảo hiểm được tính vào tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

d) Kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

đ) Kiểm tra, nghiệm thu trong quá trình thi công và khi nghiệm thu hoàn thành công trình lâm sinh của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

e) Nghiên cứu khoa học công nghệ liên quan đến công trình lâm sinh; lãi vay trong thời gian xây dựng (trừ giá trị sản phẩm thu hồi được).

g) Thuế tài nguyên, phí và lệ phí theo quy định.

h) Các chi phí thực hiện các công việc khác.

#### 6. Chi phí dự phòng

a) Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh được tính bằng 5,0% của tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

b) Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định trên cơ sở thời gian xây dựng công trình (tính bằng tháng, quý, năm), khả năng biến động giá trong nước và quốc tế.

7. Đối với bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên thực hiện bằng hình thức khoán cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng: giá trị khoán cho các đối tượng nhận khoán, chi phí lập hồ sơ và chi phí quản lý áp dụng định mức hỗ trợ của nhà nước theo các chính sách hiện hành.

### **Điều 6. Hồ sơ đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh**

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

3. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc kế hoạch vốn được giao đối với các dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp nhà nước, các hồ sơ khác có liên quan.

### **Điều 7. Thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh**

1. Cơ quan thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

a) Đối với các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư: Tổng cục Lâm nghiệp chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

b) Đối với các dự án do các Bộ, ngành Trung ương khác quyết định đầu tư: Cơ quan có chuyên môn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

c) Đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh quyết

định đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

d) Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Phòng có chức năng ở cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

2. Cơ quan phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: là người quyết định đầu tư dự án. Trường hợp cụ thể, người quyết định đầu tư có thể phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt cho cơ quan cấp dưới trực tiếp.

Đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức, đơn vị được Thủ tướng Chính phủ giao. Chủ đầu tư thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

### 3. Quy trình thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

a) Chủ đầu tư gửi 05 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định tại Điều 6 Thông tư này trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan chủ trì thẩm định.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định và có báo cáo kết quả thẩm định theo mẫu số 02 Phụ lục III, dự thảo quyết định phê duyệt theo mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh và chuyển trả kết quả cho chủ đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

4. Đối với các công trình lâm sinh sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp nhà nước. Trên cơ sở kinh phí được giao hàng năm, chủ đầu tư tự phê duyệt thiết kế và dự toán.

### **Điều 8. Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh**

#### 1. Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh trong các trường hợp:

a) Khi dự án đầu tư có yêu cầu điều chỉnh thiết kế công trình lâm sinh.

b) Khi có thay đổi về kinh phí được bố trí hàng năm đối với những công trình lâm sinh sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp nhà nước.

2. Hồ sơ điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6; thẩm định và phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí, không làm thay đổi giá trị dự toán công trình lâm sinh đã được phê duyệt bao gồm cả chi phí

dự phòng, chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh và báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh dự toán công trình lâm sinh.

4. Chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán công trình lâm sinh điều chỉnh làm cơ sở để điều chỉnh giá trị hợp đồng.

### Chương III

## NGHIỆM THU VÀ XỬ LÝ RỦI RO CÔNG TRÌNH LÂM SINH TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ

### Điều 9. Quy định chung về nghiệm thu công trình lâm sinh

#### 1. Thành phần nghiệm thu:

- a) Đại diện chủ đầu tư: Lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ giám sát công trình lâm sinh.
- b) Đại diện đơn vị hoặc cá nhân thi công công trình lâm sinh.
- c) Đại diện đơn vị tư vấn thiết kế tham gia theo đề nghị của chủ đầu tư
- d) Đại diện đơn vị tư vấn giám sát công trình lâm sinh (nếu có)
- đ) Trường hợp chủ đầu tư không phải là chủ quản lý, chủ sử dụng công trình thì khi nghiệm thu chủ đầu tư có thể mời chủ quản lý, chủ sử dụng công trình tham gia chứng kiến nghiệm thu.
- e) Đại diện tổ chức, chính quyền xã, thôn bản, hợp tác xã tham gia theo đề nghị của chủ đầu tư.

#### 2. Hồ sơ nghiệm thu

- a) Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu (nếu có).
- b) Thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- c) Hợp đồng thực hiện công trình lâm sinh.
- d) Báo cáo kết quả thực hiện công trình lâm sinh.
- đ) Biên bản nghiệm thu theo mẫu 04 quy định tại Phụ lục III Thông tư này.
- e) Hồ sơ liên quan khác.

#### 3. Nội dung nghiệm thu công trình lâm sinh

- a) Nghiệm thu hàng năm: Xác định được khối lượng, chất lượng các hạng mục công việc được thực hiện làm cơ sở để tạm ứng, thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình,
- b) Nghiệm thu hoàn thành: Áp dụng đối với các công trình lâm sinh Xác định được diện tích thành rừng để quản lý theo quy chế quản lý rừng quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp.

## **Điều 10. Nghiệm thu trồng rừng**

1. Thời điểm nghiệm thu:

a) Nghiệm thu hàng năm: được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

b) Nghiệm thu hoàn thành: được thực hiện sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư trồng rừng.

2. Nghiệm thu khôi lượng, gồm: kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, xác định vị trí ranh giới, đối chiếu với bản đồ thiết kế, khoanh vẽ và xác định tỷ lệ thực hiện bằng đo đạc trực tiếp.

3. Nghiệm thu chất lượng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật trồng rừng được quy định trong thiết kế kỹ thuật được duyệt, cụ thể:

a) Đối với rừng trồng tập trung thuần loài: lập ô tiêu chuẩn có diện tích là  $100 \text{ m}^2$  trên tuyến đại diện của lô nghiệm thu, số lượng ô tiêu chuẩn tối thiểu được quy định như sau:

Diện tích lô dưới 3 ha: 10 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 3 đến dưới 5 ha: 15 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 5 ha trở lên: tối thiểu 20 ô tiêu chuẩn.

b) Đối với rừng trồng tập trung hỗn loài: lập ô tiêu chuẩn có diện tích tối thiểu  $500 \text{ m}^2$  trên tuyến đại diện của lô nghiệm thu, số lượng ô tiêu chuẩn tối thiểu được quy định như sau

Diện tích lô dưới 3 ha: 3 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 3 đến dưới 5 ha: 5 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 5 ha trở lên: 10 ô tiêu chuẩn.

c) Đối với rừng trồng theo băng: dùng phương pháp rút mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra tối thiểu 10% số băng trồng rừng trong lô; đo, đếm số lượng cây trên toàn bộ băng trồng. Trường hợp số băng trong lô nhỏ hơn 10 phải kiểm tra ít nhất 01 băng.

d) Đối với rừng trồng theo đám: dùng phương pháp rút mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra tối thiểu 10% số đám trồng rừng cài tạo trong lô; Trường hợp đám trồng có diện tích dưới  $1000 \text{ m}^2$  tiến hành đo, đếm số lượng cây trên toàn bộ đám trồng. Trường hợp diện tích đám trồng lớn hơn  $1000 \text{ m}^2$  lập ô tiêu chuẩn theo quy định tại khoản mục a, mục b khoản này.

4. Các chỉ tiêu nghiệm thu, biện pháp xử lý: Thực hiện theo hướng dẫn tại mục I, phụ lục II Thông tư này.

## **Điều 11. Nghiệm thu cải tạo rừng tự nhiên**

1. Thời điểm nghiệm thu:

a) Nghiệm thu hàng năm: được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

b) Nghiệm thu hoàn thành: được thực hiện sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

2. Phương pháp tiến hành thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục I, Phụ lục II Thông tư này.

**Điều 12. Nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bồ sung.**

1. Thời điểm nghiệm thu:

a) Nghiệm thu hàng năm: được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

b) Nghiệm thu hoàn thành: được thực hiện sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

2. Phương pháp tiến hành

a) Nghiệm thu khối lượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

b) Nghiệm thu chất lượng

Đối với diện tích trồng rừng bồ sung thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

Đối với diện tích không trồng rừng bồ sung thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục V, Phụ lục II Thông tư này.

**Điều 13. Nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên**

1. Thời điểm nghiệm thu:

a) Nghiệm thu hàng năm: được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

b) Nghiệm thu hoàn thành: được thực hiện sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

2. Phương pháp tiến hành

a) Nghiệm thu khối lượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

b) Nghiệm thu chất lượng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định trong thiết kế kỹ thuật được duyệt, lập ô tiêu chuẩn để đánh giá các chỉ tiêu nghiệm thu, cụ thể:

Ô tiêu chuẩn có diện tích tối thiểu  $1000\text{ m}^2$  trên tuyến đại diện của lô nghiệm thu, số lượng ô tiêu chuẩn tối thiểu được quy định như sau:

Diện tích lô dưới 3 ha: 1 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 3 đến dưới 5 ha: 3 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 5 ha trở lên: 5 ô tiêu chuẩn.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV, Phụ lục II Thông tư này.

#### **Điều 14. Nghiệm thu chăm sóc rừng trồng.**

1. Thời điểm nghiệm thu: được tiến hành hàng năm sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

2. Phương pháp tiến hành: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu: thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II, Phụ lục II Thông tư này.

#### **Điều 15. Nghiệm thu khoán bảo vệ rừng.**

1. Thời điểm nghiệm thu: được tiến hành vào cuối năm kế hoạch.

2. Phương pháp tiến hành: kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, căn cứ bản đồ thiết kế để xác định vị trí, ranh giới, tỷ lệ kết quả thực hiện, cụ thể:

a) Trường hợp 100% diện tích rừng không bị tác động phá hoại: được nghiệm thu và thanh toán 100% giá trị hợp đồng.

b) Trường hợp rừng bị phá hoại (chặt phá, xâm lấn, phát, đốt rừng làm nương, rẫy, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trái pháp luật...), căn cứ tình hình cụ thể sẽ xác định thanh toán giá trị thực hiện hợp đồng theo tỷ lệ, cụ thể:

Người nhận khoán bảo vệ rừng, người nhận hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng được giao phát hiện rừng bị xâm hại và báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền (bên giao khoán hoặc chính quyền địa phương hoặc kiêm lâm địa bàn): hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ rừng và được thanh toán tiền công bảo vệ theo hợp đồng.

Người nhận khoán bảo vệ rừng, người nhận hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng được giao không phát hiện được rừng bị xâm hại, hoặc phát hiện nhưng không báo cho cơ quan có thẩm quyền: được thanh toán tiền công bảo vệ đối với diện tích rừng không bị xâm hại; đối với diện tích rừng bị xâm hại thì tùy theo mức độ, sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 16. Nghiệm thu nuôi dưỡng rừng trồng.**

1. Thời gian nghiệm thu: được tiến hành hàng năm sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.
2. Phương pháp tiến hành: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.
3. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục III, Phụ lục II Thông tư này.

#### **Điều 17. Nghiệm thu nuôi dưỡng rừng tự nhiên**

1. Thời điểm nghiệm thu: được tiến hành hàng năm sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.
2. Phương pháp tiến hành: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.
3. Các chỉ tiêu nghiệm thu: thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV, Phụ lục II Thông tư này.

#### **Điều 18. Nghiệm thu làm giàu rừng tự nhiên**

1. Thời điểm nghiệm thu: được tiến hành hàng năm sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.
2. Nghiệm thu khối lượng, thực hiện theo khoản 2 Điều 10 Thông tư này
3. Nghiệm thu chất lượng, thực hiện theo điểm c, điểm d khoản 3 Điều 10 Thông tư này.
4. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục V, Phụ lục II Thông tư này.

#### **Điều 19. Xử lý rủi ro do các nguyên nhân bất khả kháng đối với công trình lâm sinh**

1. Xử lý rủi ro do thiên tai.

Chủ đầu tư lập biên bản đánh giá tình hình thiệt hại, xác định nguyên nhân, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định điều chỉnh dự án đầu tư; điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình lâm sinh.

Đối với công trình lâm sinh sử dụng vốn ngoài ngân sách, chủ đầu tư đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ thiệt hại theo quy định tại nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 9/01/2017 về Cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh.

Việc thống kê, đánh giá và báo cáo tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra, được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

## 2. Xử lý rủi ro do các nguyên nhân khác.

Tùy theo quy mô và mức độ thiệt hại, chủ đầu tư lập biên bản đánh giá tình hình thiệt hại, xác định nguyên nhân, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xử lý.

### **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 20. Trách nhiệm của Tổng cục Lâm nghiệp**

1. Chủ trì, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý công trình lâm sinh của các Bộ ngành, địa phương.

2. Tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh của các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư.

3. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác lập, phê duyệt, thực hiện công trình lâm sinh của cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp các cấp.

4. Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xử lý các vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện Thông tư này của các cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 21. Trách nhiệm của cấp quyết định đầu tư**

Người quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này có trách nhiệm:

1. Quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể.

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật đối với các dự án do mình quyết định đầu tư.

3. Kiểm tra công tác thẩm định của các cơ quan chuyên môn trực thuộc, xử lý, giải quyết kịp thời các vướng mắc về quy trình, thủ tục.

#### **Điều 22. Xử lý chuyển tiếp và hiệu lực thi hành**

1. Đối với việc thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

a) Thiết kế, dự toán công trình lâm sinh đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Thông tư này có hiệu lực không phải trình thẩm định lại; chủ đầu tư thực hiện thẩm định theo quy định trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này.

b) Việc điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình lâm sinh sau ngày Thông tư này có hiệu lực được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Hiệu lực thi hành

- a) Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.
- b) Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh kịp thời cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, giải quyết./.

*Nơi nhận :*

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;  
thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ NN &PTNT;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Lưu VT, TCLN

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**

**Hà Công Tuấn**

**Phụ lục I**  
**ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH THIẾT KẾ**  
**CÔNG TRÌNH LÂM SINH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 1/2019/TT-BNNPTNT  
ngày tháng năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

### I.1. ĐỀ CƯƠNG CHUNG

- 1. Tên công trình lâm sinh:** Xác định công trình lâm sinh là trồng rừng, nuôi dưỡng rừng, cải tạo rừng,...
- 2. Thuộc dự án:** Tên dự án, số quyết định phê duyệt, ngày tháng ban hành.
- 3. Mục tiêu:** Xác định rõ mục tiêu của công trình lâm sinh: xây dựng dựng nhằm mục đích phòng hộ, đặc dụng, sản xuất....
- 4. Địa điểm xây dựng:** Theo đơn vị hành chính, theo hệ thống đơn vị tiểu khu, khoảnh, lô.
- 5. Chủ quản đầu tư:** Cấp quyết định đầu tư.
- 6. Chủ đầu tư, chủ khu đất, chủ khu rừng:** nếu đất rừng được giao, khoán rừng cho hộ gia đình và cộng đồng thì chủ khu đất, khu rừng thuộc hộ gia đình hoặc cộng đồng).
- 7. Cơ sở pháp lý và tài liệu liên quan:** những tài liệu liên quan trực tiếp đến công trình lâm sinh bao gồm:
  - Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương hoặc quy hoạch ngành liên quan.
  - Dự án đầu tư được phê duyệt đối với công trình lâm sinh sử dụng ngân sách nhà nước nguồn vốn đầu tư phát triển;
  - Kế hoạch bố trí kinh phí hàng năm đối với công trình lâm sinh sử dụng ngân sách nhà nước nguồn kinh phí sự nghiệp
  - Các văn bản liên quan khác.

### 8. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội

- a) Vị trí địa lý: khu đất/rừng thuộc tiểu khu, khoảnh, lô.
- b) Đặc điểm địa hình, đất đai, thực bì.
- c) Tình hình khí hậu, thủy văn và các điều kiện tự nhiên khác trong vùng: xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tác nghiệp trong dự án lâm sinh như: những tháng để trồng rừng, tháng tiến hành nuôi dưỡng rừng,....
- c) Điều kiện về kinh tế, xã hội: khái quát những nét cơ bản, liên quan trực tiếp đến hoạt động tác nghiệp công trình lâm sinh.

### 9. Nội dung thiết kế:

Nêu nội dung thiết kế từng công trình lâm sinh cụ thể theo hướng dẫn tại mục I.2 Phụ lục này, gồm:

- a) Thiết kế trồng rừng
- b) Thiết kế cải tạo rừng

**10. Thời gian thực hiện**, gồm: thời gian khởi công và hoàn thành; nội dung hoạt động từng năm (nếu công trình kéo dài nhiều năm); chi tiết các hoạt động theo tháng (nếu công trình thực hiện một năm).

STT	Hạng mục	ĐVT (ha/lượt ha)	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện		
				Năm...	Năm...	Năm...
1						
2						

## 11. Các yêu cầu về vốn đầu tư, nguồn vốn

11.1. Tính toán nhu cầu vốn đầu tư: Việc tính toán nhu cầu vốn đầu tư được tiến hành theo từng lô. Những lô có điều kiện tương tự nhau được gộp chung thành nhóm. Nhu cầu vốn cho từng công trình lâm sinh được tính chi phí trực tiếp cho từng lô, sau khi nhân với diện tích sẽ tổng hợp và tính các chi phí cần thiết khác.

Số	Hạng mục	Số tiền (1.000 đ)
	<b>TỔNG (I+II+...+ VI)</b>	
I	<b>Chi phí xây dựng</b>	
1	<b>Chi phí trực tiếp</b>	
1.1	<b>Chi phí nhân công</b>	
	Xử lý thực bì	
	Đào hố	
	Vận chuyển cây con thủ công	
	Phát đường ranh cản lửa	
	Trồng dặm	
	.....	
	.....	
1.2	<b>Chi phí máy</b>	
	Đào hố bằng máy	
	Vận chuyển cây con bằng cơ giới	
	Üi đường ranh cản lửa	
	.....	
	.....	
1.3	<b>Chi phí vật tư, cây giống</b>	
	Cây giống	
	Phân bón	
	Thuốc bảo vệ thực vật	
	.....	
	.....	
2	<b>Chi phí chung</b>	
	.....	
	.....	
3	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	

Số thứ tự	Hạng mục	Số tiền (1.000 đ)
.....		
.....		
4	<b>Thuế giá trị gia tăng</b>	
.....		
.....		
II	<b>Chi phí thiết bị</b>	
.....		
.....		
III	<b>Chi phí quản lý</b>	
.....		
.....		
IV	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	
.....		
.....		
V	<b>Chi phí khác</b>	
.....		
.....		
VI	<b>Chi phí dự phòng</b>	
.....		
.....		

11.2. Nguồn vốn đầu tư: Xác định vốn đầu tư theo nguồn vốn:

- Vốn Ngân sách Nhà nước;
- Vốn Nhà nước ngoài Ngân sách;
- Vốn khác (vay ngân hàng, liên doanh, liên kết,...).

12.3. Tiến độ giải ngân

STT	Nguồn vốn	Tổng	Năm 1	Năm 2	....	Năm kết thúc
	<b>Tổng vốn</b>					
1	Vốn Nhà nước					
2	Vốn Nhà nước ngoài Ngân sách					
3	Vốn khác					

## 12. Tổ chức thực hiện

- Phân công trách nhiệm của từng tổ chức cá nhân tham gia từng công việc cụ thể.
- Nguồn nhân lực thực hiện: Xác định rõ tổ chức, hoặc hộ gia đình của thôn, xã hoặc cộng đồng dân cư thôn thực hiện.

## **I.2. NỘI DUNG THIẾT KẾ CỤ THỂ ĐỐI VỚI TÙNG CÔNG TRÌNH LÂM SINH**

### **I. Điều tra, khảo sát và thiết kế hiện trạng**

#### **1. Công tác chuẩn bị**

a) Thu thập tài liệu có liên quan

- Bản đồ địa hình có hệ toạ độ gốc VN 2.000 có tỷ lệ 1/10.000; 1/25.000.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi, bản đồ hiện trạng và quy hoạch của dự án được phê duyệt;

- Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện các biện pháp lâm sinh và định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ bản khác có liên quan của trung ương và địa phương;

- Tài liệu, văn bản khác có liên quan đến công tác thiết kế.

b) Dụng cụ kỹ thuật, văn phòng phẩm, bao gồm: Máy định vị GPS, thiết bị đo vẽ, dao phát, phiếu điều tra thu thập số liệu,...

c) Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, phương tiện, tư trang...

d) Lập kế hoạch thực hiện: về nhân sự, kinh phí, thời gian thực hiện.

#### **2. Công tác ngoại nghiệp**

a) Sơ bộ khảo sát, xác định hiện trường khu thiết kế công trình lâm sinh.

b) Đánh giá hiện trạng, xác định đối tượng cần thực hiện các biện pháp lâm sinh

c) Xác định ranh giới tiêu khu, khoảnh (hoặc ranh giới khu thiết kế), lô trên thực địa.

d) Đo đạc các đường ranh giới tiêu khu, khoảnh, lô thiết kế; lập bản đồ thiết kế ngoại nghiệp và đóng cọc mốc trên các đường ranh giới.

đ) Đóng mốc: Tại điểm các đường ranh giới tiêu khu, đường khoảnh, đường lô giao nhau và trên đường ranh giới lô khi thay đổi góc phương vị phải đóng cọc mốc, trên mốc ghi số hiệu tiêu khu, khoảnh, lô và diện tích lô. Vật liệu làm mốc là các loại gỗ cứng hoặc cọc bê tông: mốc tiêu khu, đường kính 15 cm, cao 1,0 m, chôn sâu 0,5 m. Mốc khoảnh đường kính 12 cm, cao 1,0 m, chôn sâu 0,5 m và mốc lô đường kính 10 cm, cao 0,8 m, chôn sâu 0,4 m.

e) Khảo sát các yếu tố tự nhiên:

- Địa hình: Độ cao (tuyệt đối, tương đối), hướng dốc, độ dốc;

- Đất đai: đá mẹ; loại đất, đặc điểm của đất; độ dày tầng đất mặt; thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng; tỷ lệ đá lấp: %; độ nén chặt: tối xốp, chặt, cứng rắn; đá nồi: %; tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh;

- Thực bì: loại thực bì; loài cây ưu thế; chiều cao trung bình (m); tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu); độ che phủ; cấp thực bì;

- Cự ly vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển;

- Cự ly đi làm (m) và phương tiện đi lại.

f) Thiết kế công trình phòng chống cháy rừng (nếu có).

g) Thu thập các tài liệu về dân sinh kinh tế xã hội.

h) Điều tra tài nguyên rừng.

*Áp dụng đối với các lô rừng thiết kế chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng, cải tạo rừng tự nhiên, nuôi dưỡng rừng tự nhiên và làm giàu rừng tự nhiên.*

- Phương pháp rút mẫu: Rút mẫu theo phương pháp hệ thống cho từng lô; tỷ lệ rút mẫu: 5% diện tích lô. Tối thiểu 3 ô tiêu chuẩn/lô;

- Diện tích ô tiêu chuẩn: từ 500 m<sup>2</sup> đến 1000 m<sup>2</sup>.

- Nội dung điều tra trong ô tiêu chuẩn:

+ Đo đường kính: Đo đường kính của tất cả những cây gỗ có đường kính D<sub>1,3</sub> ≥ 6 cm; đo theo cấp kính 2 cm hoặc 4 cm. Xác định tên cây, phẩm chất từng cây theo 3 cấp (Tốt, trung bình, xấu);

+ Đo chiều cao vút ngọn của 3 cây sinh trưởng bình thường ở gần tâm ô tiêu chuẩn. Nếu số cây đo chiều cao trong các ô tiêu chuẩn của cùng một trạng thái chưa đủ 3 cây cho một cấp đường kính thì phải đo bổ sung thêm.

i) Hoàn chỉnh tài liệu ngoại nghiệp

k) Xác định các công trình kết cấu hạ tầng phụ trợ để xây dựng các giải pháp thi công.

### **3. Công tác nội nghiệp**

a) Xác định biện pháp kỹ thuật cụ thể trong từng lô rừng.

b) Tính toán sản lượng khai thác tận dụng đối với công trình cải tạo rừng tự nhiên.

c) Dự toán chi phí đầu tư cho 01 ha, từng lô hoặc nhóm lô, xây dựng kế hoạch thi công trong từng năm và toàn bộ thời gian thực hiện.

*(Các số liệu điều tra, tính toán được thống kê theo hệ thống mẫu biểu quy định tại Phần II mục này).*

d) Xây dựng bản đồ thiết kế công trình lâm sinh;

(i) Đối với những lô có trồng rừng thể hiện cụ thể các thông tin sau:  
Tử số là số lô-TR-loài cây trồng,  
Mẫu số là diện tích. Thí dụ:

6-TR-Keolai

—  
24.8

(ii) Đối với những lô không trồng rừng thể hiện thông tin số lô và diện tích.

đ) Xây dựng báo cáo thuyết minh cụ thể cho từng công trình lâm sinh.

## II. Hệ thống biểu kèm theo thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh

### Biểu 1: Khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất

Tiêu khu:

Khoanh:

Hạng mục	Khảo sát		
	Lô....	Lô....	Lô....
<b>1. Địa hình</b>			
- Độ cao (tuyệt đối, tương đối)			
- Hướng dốc			
- Độ dốc			
<b>2. Đất</b>			
a. Vùng đồi núi.			
- Đá mẹ			
- Loại đất, đặc điểm của đất.			
- Độ dày tầng đất mặt: m			
- Thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng			
- Tỷ lệ đá lấp: %			
- Độ nén chặt: tơi xốp, chặt, cứng rắn.			
- Đá nồi: %			
- Tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh			
b. Vùng ven sông, ven biển:			
- Vùng bãi cát:			
+ Thành phần cơ giới: cát thô, cát mịn, cát pha đất.			
+ Tình hình di động của cát: di động, bán di động, cố định			
+ Độ dày tầng cát.			
+ Thời gian bị ngập nước.			
+ Loại nước: ngọt, mặn, lợ.			
- Vùng bãi lầy:			
+ Độ sâu tầng bùn.			
+ Độ sâu ngập nước.			
+ Loại nước: ngọt, mặn, lợ.			
+ Thời gian bị ngập nước, chế độ thủy triều.			
<b>3. Thực bì</b>			
- Loại thực bì.			
- Loài cây ưu thế.			
- Chiều cao trung bình (m).			
- Tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu).			
- Độ che phủ.			
- Mật độ cây tái sinh mục đích có chiều cao > 50 cm (cây/ha) <sup>1</sup>			
(*)			
- Gốc cây mẹ có khả năng tái sinh chồi (gốc/ha) (**)			
- Cây mẹ có khả năng gieo giống tại chồi (cây/ha) (***)			
<b>4. Hiện trạng rừng.<sup>2</sup></b>			

1 (\*), (\*\*), (\*\*\*) Áp dụng đối với các công trình lâm sinh: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

- Trạng thái rừng			
- Trữ lượng rừng ( $m^3/ha$ ).			
- Chiều cao trung bình (m).			
- Đường kính trung bình (m)			
- Độ tàn che.			
<b>4. Cự ly vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển.<sup>3</sup></b>			
<b>5. Cự ly đi làm (m) và phương tiện đi lại</b>			

<sup>2</sup> Áp dụng đối với các công trình lâm sinh: Bảo vệ rừng, chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng, cải tạo rừng tự nhiên, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên.

<sup>3</sup> Áp dụng đối với công trình lâm sinh có trồng cây.

## Biểu 2: Các chỉ tiêu về sinh khối rừng<sup>4</sup>

Tiêu khu:

Khoanh:

Chỉ tiêu	Lô	Lô	Lô	Lô	Lô
1. Phân bố số cây theo cấp đường kính					
8cm – 20cm					
21cm-30cm					
31-40cm					
>40cm					
Tổng số					
2. Tỷ thành theo số cây					
Loài 1					
Loài 2					
Loài 3					
.....					
Tổng số					
3. Tỷ thành theo trữ lượng gỗ					
Loài 1					
Loài 2					
Loài 3					
.....					
Tổng số					
4. Tỷ thành theo nhóm gỗ					
Nhóm gỗ I					
Nhóm gỗ II					
Nhóm gỗ III					
....					
Tổng số					

*(Tỷ thành theo loài cây xác định cho 10 loài từ cao nhất trở xuống)*

---

<sup>4</sup> Áp dụng đối với công trình cải tạo rừng tự nhiên, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên.

**Biểu 3: Sản lượng gỗ tận dụng trong các lô rừng cải tạo<sup>5</sup>**

Tiêu khu:

Khoảnh:

Chỉ tiêu	Lô	Lô	Lô		Tổng số
1. Sinh khối					
- Trữ lượng cây đứng bình quân/ha					
- Diện tích lô					
- Trữ lượng cây đứng/lô					
2. Sản lượng tận thu/lô					
- Gỗ lớn					
- Gỗ nhỏ					
- Cùi					
3. Sản lượng tận thu theo nhóm gỗ					
Nhóm gỗ I					
Nhóm gỗ II					
Nhóm gỗ III					
....					
Tổng số					

<sup>5</sup> Áp dụng đối với công trình cải tạo rừng tự nhiên

#### **Biểu 4: Thiết kế trồng, chăm sóc rừng năm thứ nhất<sup>6</sup>**

Tiêu khu:

Khoảnh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô...	...
<b>I. Xử lý thực bì:</b>			
1. Phương thức			
2. Phương pháp			
3. Thời gian xử lý			
<b>II. Làm đất:</b>			
1. Phương thức:			
- Cục bộ			
- Toàn diện			
2. Phương pháp (cuộc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):			
- Thủ công			
- Cơ giới			
- Thủ công kết hợp cơ giới			
3. Thời gian làm đất			
<b>III. Bón lót phân</b>			
1. Loại phân			
2. Liều lượng bón			
3. Thời gian bón			
<b>IV. Trồng rừng:</b>			
1. Loài cây trồng			
2. Phương thức trồng			
3. Phương pháp trồng			
4. Công thức trồng			
5. Thời vụ trồng			
6. Mật độ trồng:			
- Cự ly hàng (m)			
- Cự ly cây (m)			
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cõi rễ, tuổi)			
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kết cấu trồng dặm)			
<b>V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:</b>			
1. Lần thứ nhất: (tháng.....đến tháng.....)			
- Nội dung chăm sóc:			
+ ...			
2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp			
3. Bảo vệ:			
-.....			

<sup>3</sup> Áp dụng đối với Công trình trồng rừng, cải tạo rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên

## Biểu 5: Thiết kế chăm sóc bảo vệ rừng trồng năm thứ 2, 3...<sup>7</sup>

Tiêu khu:

Khoảnh:

Hạng mục	Vị trí tác nghiệp		
	Lô	Lô	Lô
<b>I. Đối tượng áp dụng</b> (rừng trồng năm thứ II, III, vườn thực vật ..v.v..) <b>II. Chăm sóc:</b> 1. Lần thứ nhất (tháng .... đến ... tháng....) a. Trồng dặm. b. Phát thực bì: (tổn diện, theo băng, theo hố, hoặc không cần phát). c. Làm cỏ, xới đất, vun gốc, cày bừa đất v.v... d. Bón phân: (loại phân bón, liều lượng, kỹ thuật bón...) ..... 2. Lần thứ 2, thứ 3,...: nội dung chăm sóc tương tự như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp.			
<b>III. Bảo vệ:</b> 1. Tu sửa đường băng cản lửa. 2. Phòng chống người, gia súc phá hoại ....			

---

<sup>7</sup> Áp dụng đối với công trình trồng rừng, cải tạo rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên.

## **Biểu 6: Thiết kế biện pháp tác động<sup>8</sup>**

Tiêu khu:

Khoảnh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô...	...
1. Phát dọn dây leo bụi rậm			
2. Cuốc xới đất theo rạch, theo đám			
3. Tia dặm cây mục đích từ chõ dày sang chõ thưa			
4. Tra dặm hạt trồng bổ sung các loài cây mục đích			
5. Sửa lại gốc chồi và tia chồi			
6. Phát dọn, vun xới quanh cây mục đích cây trồng BS			
7. Chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích			
.....			

---

<sup>8</sup> Áp dụng đối với công trình chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên

## Biểu 7: Thiết kế trồng cây bồ sung<sup>9</sup>

Tiêu khu:

Khoanh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế	
	Lô ...	Lô ...
<b>I. Xử lý thực bì:</b>		
1. Phương thức		
2. Phương pháp		
3. Thời gian xử lý		
<b>II. Làm đất:</b>		
1. Phương thức:		
- Cục bộ		
2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):		
- Thủ công		
3. Thời gian làm đất		
<b>III. Bón lót phân</b>		
1. Loại phân		
2. Liều lượng bón		
3. Thời gian bón		
<b>IV. Trồng cây bồ sung:</b>		
1. Loài cây trồng		
2. Phương thức trồng		
3. Phương pháp trồng		
4. Công thức trồng		
5. Thời vụ trồng		
6. Mật độ trồng:		
- Cụ ly hàng (m)		
- Cụ ly cây (m)		
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cành rễ, tuổi)		
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm)		
<b>V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:</b>		
1. Lần thứ nhất: (Tháng.....đến tháng.....)		
- Nội dung chăm sóc:		
+ ...		
2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp		
3. Bảo vệ:		
-.....		

<sup>9</sup> Áp dụng đối với công trình làm giàu rừng tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bồ sung.

**Biểu 8: Dự toán chi phí trực tiếp cho trồng rừng.<sup>10</sup>**

- |              |                       |
|--------------|-----------------------|
| 1. Tiêu khu: | 4. Diện tích (ha):    |
| 2. Khoảnh:   | 5. Chi phí (1.000 đ): |
| 3. Lô:       |                       |

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ xác định định mức, đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>A</b>	<b>Tổng = B* Diện tích lô</b>						
<b>B</b>	<b>Dự toán/ha (I+II)</b>						
<b>I</b>	<b>Chi phí trồng rừng</b>						
<b>1</b>	<b>Chi phí nhân công</b>						
	Xử lý thực bì						
	Đào hố						
	Lắp hố						
	Vận chuyển cây con thủ công						
	Vận chuyển và bón phân						
	Phát đường ranh cản lửa						
	Trồng dặm						
	...						
<b>2</b>	<b>Chi phí máy thi công</b>						
	Đào hố bằng máy						
	Vận chuyển cây con bằng cơ giới						
	Üi đường ranh cản lửa						
	Chi phí trực tiếp khác						
<b>3</b>	<b>Chi phí vật liệu</b>						
	Cây giống						
	Phân bón						
	Thuốc bảo vệ thực vật						
	...						
<b>II</b>	<b>Chi phí chăm sóc và bảo vệ rừng trồng</b>						
<b>1</b>	<b>Năm thứ hai</b>						
	Công chăm sóc, bảo vệ						
	Vật tư						
	.....						
<b>3</b>	<b>Năm thứ ...</b>						
	Công chăm sóc, bảo vệ						
	Vật tư						
	.....						

<sup>10</sup> Áp dụng đối với các công trình lâm sinh có trồng cây

**Biểu 5: Tổng hợp khối lượng thực hiện**

**Phụ lục II**

**CHỈ TIÊU NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH LÂM SINH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BNNPTNT  
ngày tháng năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**I. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU TRỒNG RỪNG**

**1. Nghiệm thu hàng năm**

**a. Nghiệm thu bước 1 (chuẩn bị trồng rừng)**

Chỉ tiêu	Nội dung	Tiêu chuẩn đánh giá	Biện pháp xử lý
1. Phát dọn thực bì	Kỹ thuật phát dọn thực bì	Đúng thiết kế trong hợp đồng ký kết	Đạt tiêu chuẩn nghiệm thu
		Một trong các nội dung không đúng thiết kế trong hợp đồng	Phát dọn lại, nếu không thực hiện, không được trồng rừng
2. Cuốc hố	Kích thước hố, cự li hố theo thiết kế trong hợp đồng	Đạt kích thước, đạt cự li	Đạt tiêu chuẩn nghiệm thu
		Không đạt kích thước, cự li	Không đạt tiêu chuẩn nghiệm thu, cuốc lại cho đúng kích thước, cự li, nếu không thực hiện không được trồng rừng
3. Bón lót	Quy định bón lót theo thiết kế trong hợp đồng	Đạt thiết kế	Đạt tiêu chuẩn nghiệm thu
		Không đạt quy định theo thiết kế trong hợp đồng	Không đạt tiêu chuẩn nghiệm thu, yêu cầu bón lót lại đúng quy định, nếu không thực hiện không được trồng rừng

## b. Nghiệm thu bước 2 (sau khi trồng rừng)

Chỉ tiêu	Nội dung	Tiêu chuẩn đánh giá	Biện pháp xử lý
1. Diện tích	Diện tích thực trồng so với diện tích trong hợp đồng	Trồng đủ diện tích	Nghiệm thu thanh toán 100%
		Trồng không đủ diện tích	Nghiệm thu thanh toán theo diện tích thực trồng
2. Loài cây trồng	Kiểm tra loài cây trồng	Đúng loài, cây giống đạt tiêu chuẩn quy định	Được nghiệm thu
		Không đúng loài	Không nghiệm thu, báo cáo cấp trên có thẩm quyền xem xét
3. Tỷ lệ cây sống tốt	Tỷ lệ cây sống tốt so với mật độ thiết kế trong hợp đồng	$\geq 85\%$	Nghiệm thu thanh toán 100% giá trị hợp đồng
		50% đến $< 85\%$	Nghiệm thu thanh toán theo quy định về tỷ lệ cây sống tốt, diện tích này đưa vào kế hoạch chăm sóc năm thứ 2, trồng đậm cho đủ mật độ quy định ( $\geq 85\%$ )
		$< 50\%$	Không nghiệm thu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét

**2. Nghiệm thu hoàn thành:** Áp dụng tiêu chuẩn quốc gia để xác định rừng trồng.

- a) Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng nhanh: TCVN 12509-1:2018
- b) Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng chậm: TC VN 12509-2:2018
- c) Rừng trồng thuộc nhóm loài cây ngập mặn: TCVN 12509-3:2018
- d) Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn gió, chắn cát bay: TCVN 2510-1:2018
- e) Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn sóng, lấn biển: TCVN 2510-2:2018

## II. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU CHĂM SÓC RỪNG TRỒNG

Chỉ tiêu	Nội dung	Tiêu chuẩn đánh giá	Biện pháp xử lý
1. Phát dọn thực bì	Diện tích phát dọn thực bì đúng thiết kế	$\geq 90\%$	Nghiệm thu thanh toán 100%
		$< 90\%$	Không nghiệm thu
2. Cuốc xới vun gốc	Diện tích cuốc xới vun gốc đúng thiết kế	$\geq 90\%$	Nghiệm thu thanh toán 100%
		$< 90\%$	Không nghiệm thu

3. Bón thúc	Số gốc có bón thúc đúng loại phân quy định	$\geq 90\%$	Nghiệm thu thanh toán 100%
		< 90%	Không nghiệm thu, yêu cầu bón lót bổ sung cho đủ
4. Tỷ lệ cây sống tốt	Tỷ lệ cây sống tốt sau khi trồng dặm	$\geq 85\%$ so với mật độ thiết kế trồng	Nghiệm thu thanh toán 100%
		50% - < 85% so với mật độ thiết kế trồng	Nghiệm thu thanh toán theo tỷ lệ cây sống tốt
		< 50% mật độ thiết kế trồng	Không nghiệm thu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét

### III. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU NUÔI DƯỠNG RỪNG TRỒNG

Chi tiêu	Nội dung	Tiêu chuẩn đánh giá	Biện pháp xử lý
1. Phát dọn dây leo cây bụi, cỏ dại xâm lấn	Diện tích phát dọn thực bì đúng thiết kế	$\geq 90\%$	Nghiệm thu thanh toán 100%
		< 90%	Không nghiệm thu
2. Tia thưa rừng trồng	Tia thưa rừng, để lại những cây có mục đích	Đúng mật độ, kỹ thuật chặt tia thưa thiết kế quy định trong hợp đồng	Nghiệm thu
		Không đúng mật độ, kỹ thuật thiết kế	Không nghiệm thu
3. Tia cành và vệ sinh chăm sóc rừng sau tia thưa	Tia cành cho cây mục đích, thu gom cành cây to trong rừng để phòng cháy rừng	Đúng theo quy định trong hợp đồng	Nghiệm thu
		Không đúng theo quy định trong hợp đồng	Không nghiệm thu

### IV. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN, NGHIỆM THU NUÔI DƯỠNG RỪNG TỰ NHIÊN,

#### 1. Nghiệm thu hàng năm

Các chỉ tiêu	Nội dung nghiệm thu	Biện pháp xử lý
1. Diện tích thực hiện	Đủ diện tích ký trong hợp đồng	Nghiệm thu 100%
	Không đủ diện tích	Nghiệm thu theo diện tích thực hiện
2. Phát dây leo chèn ép cây tái	Đúng thiết kế quy định trong hợp đồng	Nghiệm thu

sinh, chặt cây cong queo, sâu bệnh... giữ lại những cây sinh trưởng khỏe mạnh không sâu bệnh	Không đúng thiết kế	Không nghiệm thu
---	---------------------	------------------

**2. Nghiệm thu hoàn thành:** Áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2511:2018 để xác định rừng tự nhiên đối với công trình lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

## **V. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN CÓ TRỒNG BỒ SUNG; NGHIỆM THU LÀM GIÀU RỪNG TỰ NHIÊN.**

### **1. Nghiệm thu hàng năm**

Các chỉ tiêu	Nội dung nghiệm thu	Biện pháp xử lý
1. Diện tích thực hiện	Đủ diện tích ký trong hợp đồng	Nghiệm thu 100%
	Không đủ diện tích	Nghiệm thu theo diện tích thực hiện
2. Trồng bồ sung cây lâm nghiệp	Thực hiện như quy định đối với nghiệm thu trồng rừng	

### **2. Nghiệm thu hoàn thành:**

a) Đối với những diện tích trồng rừng bồ sung theo băng hoặc theo đám: Áp dụng các tiêu chuẩn việt nam để xác định thành rừng sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản, bao gồm:

Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng nhanh: TCVN 12509-1:2018

Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng chậm: TC VN 12509-2:2018

Rừng trồng thuộc nhóm loài cây ngập mặn: TCVN 12509-3:2018

Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn gió, chắn cát bay: TCVN 2510-1:2018

Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn sóng, lấn biển: TCVN 2510-2:2018

b) Đối với những diện tích không trồng bồ sung.: Áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2511:2018 để xác định rừng tự nhiên đối với công trình lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bồ sung sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

Phụ lục III

## MẪU VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐỀN LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, NGHIÊM THU CÔNG TRÌNH LÂM SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BNNPTNT  
ngày tháng năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

TÒ TRÌNH

## **Thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh**

Kính gửi:

## Các căn cứ pháp lý:

.....

**Chủ đầu tư trình thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh với các nội dung chính sau:**

1. Tên công trình lâm sinh
  2. Thuộc dự án
  3. Chủ đầu tư, hình thức đầu tư
    - Chủ đầu tư:
    - Hình thức đầu tư:
  4. Địa điểm công trình lâm sinh
  5. Mục tiêu của công trình
  6. Nội dung và qui mô của công trình

### 7. Tổng mức đầu tư:

Trong đó:

- a) Chi phí xây dựng
  - b) Chi phí thiết bị
  - c) Chi phí quản lý
  - d) Chi phí tư vấn đấu tư xây dựng
  - e) Chi phí khác, gồm
  - f) Chi phí dự phòng

.....  
**8. Dự toán kinh phí và tiến độ giải ngân**

STT	Nguồn vốn	Tổng số	Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
	<b>Tổng</b>				

**9. Thời gian, tiến độ thực hiện:**

Sđt	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..

**10. Tổ chức thực hiện**

**11. Các nội dung khác:**

Chủ đầu tư trình... thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**Chủ đầu tư**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh**

Kính gửi: ... (*Người có thẩm quyền quyết định đầu tư*)...

- Căn cứ Thông tư số... /2019/TT-BNNPTNT ngày ... tháng .... năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;
- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi thẩm định, (*Tên cơ quan thẩm định*) báo cáo kết quả thẩm định dự án ..... như sau:

**1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của công trình**

**a) Tên công trình, chủ đầu tư, hình thức đầu tư**

**b) Thuộc dự án**

c) Địa điểm xây dựng công trình

d) Mục tiêu của công trình

d) Nội dung và qui mô của công trình

**2. Kết quả thẩm định thiết kế**

a) Sự cần thiết đầu tư; các yếu tố đầu vào của công trình

b) Các giải pháp kỹ thuật

c) Quy mô, thời gian, tiến độ thực hiện công trình

d) Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của vùng, của địa phương

e) Nhu cầu sử dụng đất; khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ của công trình; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư

f) Khả năng hoàn trả vốn vay (nếu có)

g) Các yếu tố ảnh hưởng đến công trình như khu di tích lịch sử, văn hóa hoặc liên quan đến tín ngưỡng của cộng đồng dân cư trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan

h) Năng lực của đơn vị thực hiện công trình: kinh nghiệm và nguồn nhân lực

i) Các vấn đề rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện làm ảnh hưởng đến kết quả đầu tư

k) Điều kiện, năng lực của tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công

l) Thẩm định thiết kế lâm sinh, thiết kế phòng chống cháy rừng.

**3. Kết quả thẩm định dự toán**

a) Tính chính xác của việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước có liên quan đến các chi phí tính trong dự toán.

b) Kết quả thẩm định dự toán được tổng hợp như sau:

Trong đó:

a) Chi phí xây dựng

b) Chi phí thiết bị

c) Chi phí quản lý

d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng

đ) Chi phí khác, gồm

e) Chi phí dự phòng

.....

.....

Tổng cộng:

#### 4. Kết luận:

a) Đánh giá, nhận xét:

b) Những kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

**Đại diện cơ quan thẩm định**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh**

**(Tên cơ quan phê duyệt)**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...;

Căn cứ Thông tư số... /2019/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Xét đề nghị của... tại Tờ trình số...của (tên ) ngày... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của (tên cơ quan, đơn vị đầu mối thẩm định) tại báo cáo kết quả thẩm định số .... ngày tháng ... năm 20.. ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình ... với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình, chủ đầu tư, hình thức đầu tư**

- Tên công trình
  - Thuộc dự án
  - Chủ đầu tư
  - Hình thức đầu tư
2. Địa điểm xây dựng công trình

3. Mục tiêu xây dựng công trình

.....

4. Nội dung và qui mô của công trình

.....

5. Tổng mức đầu tư của công trình:

Trong đó:

- a) Chi phí xây dựng
- b) Chi phí thiết bị

- c) Chi phí quản lý
- d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng
- đ) Chi phí khác, gồm
- e) Chi phí dự phòng

.....

.....  
6. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ giải ngân

7. Thời gian thực hiện dự án

8. Các nội dung khác

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:

**Cơ quan phê duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH LÂM SINH**

1. Tên công trình lâm sinh:
2. Địa điểm: (*vị trí công trình lâm sinh theo đơn vị hành chính*)
3. Thành phần nghiệm thu (*ghi rõ họ và tên, chức vụ, tổ chức*)
  - a) Phía chủ đầu tư (bên A)  
+ ông/bà:  
+ .....
  - b) Phía đơn vị/cá nhân nhận hợp đồng  
+ ông/bà:  
+ .....
  - c) Bên liên quan khác (nếu có):  
+ ông/bà:  
d) Đối với những công trình lâm sinh có chuyên gia nước ngoài thì cần có đại diện chuyên gia thiết kế và chuyên gia thi công tham gia vào công việc nghiệm thu. Các đại diện này do cơ quan quản lý chuyên gia nước ngoài tại công trình đề nghị, Chủ đầu tư quyết định
4. Thời gian nghiệm thu  
Bắt đầu : ..... ngày..... tháng..... năm.....  
Kết thúc : ..... ngày..... tháng..... năm.....  
Tại: .....
5. Đánh giá công trình lâm sinh đã thực hiện:
  - a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:  
Hồ sơ thiết kế được duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận:
    - Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: (Ghi rõ tên tiêu chuẩn, qui phạm, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu)
    - Hồ sơ thầu (nếu có).
    - Hợp đồng thi công công trình lâm sinh
    - Biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng;
    - Biên bản nghiệm thu những bước công việc đã thực hiện trước đó.
    - Các tài liệu thí nghiệm, quan trắc tại hiện trường (nếu có)

b) Về chất lượng công trình lâm sinh (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn qui phạm kỹ thuật, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật của công trình lâm sinh có liên quan đến đối tượng nghiệm thu:

- Đưa ra các nội dung kỹ thuật cần kiểm tra để có cơ sở đánh giá chất lượng đối tượng nghiệm thu;
- Đánh giá chất lượng đối tượng nghiệm thu theo bảng số liệu đo đếm tại mục 5.

b) Các ý kiến khác, nếu có.

#### 6. Bảng đánh giá các chỉ tiêu nghiệm thu.

a) Đối với nghiệm thu hàng năm

TT	Số hiệu lô hoặc số hiệu ô tiêu chuẩn đo đếm	Tên chỉ tiêu nghiệm thu		Biện pháp xử lý
		Dùng thiết kế	Không đúng thiết kế	
	Tiêu khu			
	Khoanh			
	Lô			
	Ô tiêu chuẩn số 1			
	Ô tiêu chuẩn số 2			
	.....			

b) Đối với nghiệm thu hoàn thành: Áp dụng các chỉ tiêu trong Tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại quyết định 4150/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2018.

#### 7. Kết luận :

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu và đồng ý triển khai giai đoạn tiếp theo (nếu có).
- Các sai sót còn tồn tại và các khiếm khuyết cần sửa chữa. Thời gian bên nhận hợp đồng phải hoàn thành công tác sửa chữa.
- Các nội dung khác (nếu có).

**Đại diện bên A**

**Đại diện bên B**

**Bên liên quan khác**

